

BỘ NÔNG NGHIỆP

VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **319** /QĐ-BNN-HTQT

Hà Nội, ngày **22** tháng 02 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án đầu tư

Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ”

(gọi tắt là Dự án JICA2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BKH ngày 30/07/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Thông tư số 49/2009/TT-BNNPTNT ngày 04/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số số 839/QĐ-BTNMT, ngày 12/5/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (dự án JICA2);

Căn cứ văn bản số 6505/VPCP-QHQT ngày 19/9/2011, của Văn phòng Chính phủ về việc Thông báo ý kiến của Thủ tướng chính phủ bổ sung danh mục dự án vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản đợt 2 Tài khóa 2011;

Căn cứ công văn số 40/BKHĐT-KTĐN của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 13 tháng 02 năm 2012 về việc Danh mục các dự án sử dụng vốn vay ưu đãi của Chính phủ Nhật bản Đợt 2 – Tài khóa 2011;

Căn cứ Biên bản thảo luận về Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký ngày 25/10/2011;

Căn cứ các văn bản của các tỉnh tham gia dự án:

- Thanh hóa văn bản số 881/UBND - NN, ngày 21/2/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, về việc góp ý báo cáo nghiên cứu khả thi và cam kết vốn đối ứng thực hiện dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ - JICA2;

- Nghệ An số 907/UBND-NN, ngày 22/2/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, về việc góp ý báo cáo nghiên cứu khả thi và cam kết quỹ đất, vốn đối ứng dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ”;
- Hà Tĩnh số 362/UBND-NL, ngày 21/2/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, về việc cam kết vốn đối ứng và quỹ đất phục vụ dự án do JICA tài trợ;
- Quảng Bình số 139/UBND, ngày 21/2/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” vay vốn Chính phủ Nhật Bản;
- Quảng Trị số 277/UBND-NN, ngày 15/2/2012 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ - Dự án JICA2;
- Thừa Thiên – Huế số 473/UBND-NN, ngày 17/2/2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ - Dự án vay vốn JICA2;
- Quảng Ngãi số 393/UBND-NN-TN, ngày 21/2/2012 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ - Dự án vay vốn JICA2;
- Bình Định số 304/UBND-KTN, ngày 13/2/2012 của UBND tỉnh Bình Định về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi và cam kết bố trí vốn đối ứng Dự án JICA2;
- Phú Yên số 312/UBND-KT, ngày 20/2/2012 của UBND tỉnh Phú Yên về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án phục hồi và quản lý rừng phòng hộ bền vững (JICA2);
- Ninh Thuận số 580/UBND-KT, ngày 17/2/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ”;
- Bình Thuận số 556/UBND-NV, ngày 21/2/2012 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc góp ý Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án JICA2 và cam kết bố trí vốn đối ứng để triển khai dự án;

Xét tờ trình số 99/DALN-JICA2, ngày 02/02/2012 của Ban Quản lý các dự án lâm nghiệp về việc xin phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ;

Căn cứ Biên bản Thẩm định Dự án đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ”, của Vụ Hợp tác quốc tế ngày 17/02/2012 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư Dự án “Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ” (gọi tắt là Dự án JICA2), vay vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản gồm các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ.

2. Cơ quan chủ quản đầu tư:

2.1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản về tổng thể dự án.

2.2. Ủy ban Nhân dân các tỉnh là Cơ quan chủ quản Tiểu dự án về các nội dung đầu tư của dự án tại tỉnh.

3. Chủ đầu tư:

3.1. Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp;

3.2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận.

4. Thời gian thực hiện dự án:

Từ năm 2012 đến năm 2021

5. Phạm vi, quy mô dự án:

5.1. Phạm vi dự án

Thực hiện tại 43 Ban quản lý rừng phòng hộ, thuộc 38 huyện, 101 xã trên địa bàn 11 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận.

5.2. Quy mô dự án

Trồng rừng: 17.946 ha rừng phòng hộ đầu nguồn; Cải thiện/nâng cao chất lượng rừng trồng hiện có: 2.690 ha; Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: 800 ha; Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên không trồng bổ sung: 13.362 ha; khoán bảo vệ rừng: 34.437 ha.

Kết hợp xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng lâm sinh, sinh kế, mua sắm trang thiết bị phòng chống cháy rừng, v.v... Góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn và nâng cao cuộc sống đồng bào các dân tộc tham gia Dự án.

6. Mục tiêu của dự án:

6.1. Mục tiêu chung của dự án:

- Quản lý và bảo vệ bền vững rừng phòng hộ;
- Phục hồi và bảo tồn đa dạng sinh học;
- Xóa đói giảm nghèo ở khu vực miền núi

6.2. Mục tiêu cụ thể:

- Phục hồi và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn tại 11 tỉnh;
- Tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương và chủ rừng phòng hộ;
- Hỗ trợ cải thiện sinh kế cho các cộng đồng, những người sẽ quản lý rừng phòng hộ.

7. Các hợp phần của dự án: Dự án gồm có 8 hợp phần

- 7.1. Dịch vụ tư vấn;
- 7.2. Rà phá bom mìn và tẩy rửa chất độc;
- 7.3. Phát triển/cải thiện rừng phòng hộ;
- 7.4. Hỗ trợ phát triển sinh kế;
- 7.5. Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế;
- 7.6. Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh;
- 7.7. Kiểm soát cháy rừng;
- 7.8. Quản lý dự án.

8. Vốn đầu tư:

8.1 Tổng nguồn vốn dự án: 9.534 triệu Yên Nhật, tương đương với 123,479 triệu USD, trong đó:

- Nguồn vốn vay: Vay của Chính phủ Nhật Bản thông qua cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA): 7.703 Triệu Yên Nhật, tương đương 99,780 triệu USD.
- Nguồn vốn đối ứng: 494.845 triệu VND tương đương 1.831 triệu Yên Nhật
- + Trung ương cấp qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 396 Triệu Yên Nhật, tương đương 5,130 triệu USD hoặc 107.027 triệu VNĐ.
- + Vốn đối ứng của các tỉnh tham gia dự án tương đương: 1.435 triệu Yên Nhật, tương đương 18,588 triệu USD hoặc 387.838 triệu VNĐ.
- Tỷ giá dựa theo Biên bản thẩm định ngày 25/10/2011 của JICA và tỷ giá Ngân hàng tại thời điểm JICA thẩm định Dự án (tháng 10/2011): 1 USD = 77,2 Yên Nhật; 1 USD = 20,628 VNĐ; 1 VND = 0,0037 Yên Nhật.

8.2. Tổng mức đầu tư phân bổ cho các hợp phần của dự án như sau.

TT	Hợp phần	Tổng số		Nguồn vốn (Triệu Yên)	
		Triệu Yên	Triệu USD	Vay ODA	Đối ứng
1	Dịch vụ tư vấn	766	9,922	766	0
2	Rà Phá bom mìn và tẩy rửa chất độc	190	2,461	190	0
3	Phát triển/cải thiện rừng phòng hộ	1.867	24,184	1.867	0
4	Hỗ trợ phát triển sinh kế	114	1,477	114	0
5	Phát triển cơ sở hạ tầng sinh kế	572	7,409	572	0
6	Phát triển cơ sở hạ tầng lâm sinh	338	4,378	338	0
7	Kiểm soát cháy rừng	58	0,751	58	0

8	Quản lý dự án		996	12,902	0	996
9	Trượt giá (dự phòng giá)		3.294	42,668	3.294	0
10	Dự phòng về khối lượng		322	4,171	322	0
11	Thuế (nhập khẩu, thu nhập doanh nghiệp Tư vấn và VAT)		835	10,816	0	835
12	Lãi xuất khoản vay		99	1,282	99	0
13	Phí cam kết		83	1,075	83	0
	TỔNG CỘNG		9.534	123,479	7.703	1.831

8.3 Tổng mức đầu tư phân bổ cho các đơn vị quản lý vốn:

Đơn vị: Triệu Yên

TT	Đơn vị	Tổng vốn	Nguồn vốn	
			Vay ODA	Việt Nam
1	Ban quản lý dự án TW	1.162	766	396
2	Thanh Hóa	879	738	141
3	Nghệ An	898	755	143
4	Hà Tĩnh	729	601	128
5	Quảng Bình	566	453	113
6	Quảng Trị	1.066	908	158
7	Thừa Thiên – Huế	545	434	111
8	Quảng Ngãi	1.072	914	158
9	Bình Định	1.020	867	153
10	Phú Yên	569	456	113
11	Ninh Thuận	609	492	117
12	Bình Thuận	419	319	100
	Tổng	9.534	7.703	1.831

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản toàn bộ dự án
- Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp là Chủ đầu tư dự án, chịu trách nhiệm điều phối chung các hoạt động dự án, giám sát việc thực hiện dự án theo đúng Hiệp định đã ký giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Chính phủ Việt Nam

và làm Chủ đầu tư các hoạt động dự án do Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp trực tiếp thực hiện.

- Ủy Ban nhân dân các tỉnh là Cơ quan chủ quản dự án đầu tư các Tiểu dự án tại tỉnh, chịu trách nhiệm bố trí đủ quỹ đất và vốn đối ứng để thực hiện dự án.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh là Chủ đầu tư các tiểu dự án tại tỉnh chịu trách nhiệm thành lập Ban quản lý dự án tại các tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ Hợp tác quốc tế, Kế hoạch, Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Trưởng ban Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp; Ngoại giao, Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, TT- Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận;
- Ban QL các dự án Lâm nghiệp;
- Sở NN&PTNT các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, TT- Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận và Bình Thuận;
- Lưu: VT, HTQT (NAM-50).



Cao Đức Phát